

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

STT	Quy phạm pháp luật hiện hành	Dự thảo văn bản	Thuyết minh
1	- Tại điểm b khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019 quy định: “<i>Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục trên cơ sở đề nghị của của ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>”. - Tại khoản 3, Điều 4 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ: “ <i>Hội đồng nhân dân quyết định khung hoặc mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý để áp dụng tại địa phương</i>”.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định mức học phí tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và các cơ sở giáo dục đào tạo công lập khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng. 2. Đối tượng áp dụng a) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và các cơ sở giáo dục đào tạo công lập khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng. b) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.	Để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với quy định, tình hình thực tế địa phương sau khi Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng và Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương hợp nhất theo Đề án số 03/ĐA-UBND ngày 29/4/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc hợp nhất tỉnh Hải Dương và thành phố Hải Phòng và triển khai thực hiện chính sách, bảo đảm tính thống nhất, việc ban hành Nghị quyết quy định mức học phí tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và các cơ sở giáo dục đào tạo công lập khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng là cần thiết và theo quy định.

2	- Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14; - Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; - Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; - Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.	Điều 2. Mức học phí từ năm học 2025-2026 trở đi 1. Mức học phí từ năm học 2025-2026 trở đi như sau: <i>Đơn vị tính: nghìn đồng/học sinh/tháng</i> <table border="1" data-bbox="925 427 1574 1058"> <thead> <tr> <th>TT</th><th>Cấp học</th><th>Thành thị</th><th>Nông thôn</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td><td>Mầm non:</td><td></td><td></td></tr> <tr> <td></td><td>- Nhà trẻ</td><td>203</td><td>135</td></tr> <tr> <td></td><td>- Mẫu giáo</td><td>203</td><td>105</td></tr> <tr> <td>3</td><td>Tiểu học</td><td>92</td><td>62</td></tr> <tr> <td>4</td><td>Trung học cơ sở</td><td>92</td><td>62</td></tr> <tr> <td>5</td><td>Trung học phổ thông</td><td>125</td><td>100</td></tr> </tbody> </table> 2. Chế độ miễn, giảm, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, quản lý, sử dụng học phí thực hiện theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo	TT	Cấp học	Thành thị	Nông thôn	1	Mầm non:				- Nhà trẻ	203	135		- Mẫu giáo	203	105	3	Tiểu học	92	62	4	Trung học cơ sở	92	62	5	Trung học phổ thông	125	100	
TT	Cấp học	Thành thị	Nông thôn																												
1	Mầm non:																														
	- Nhà trẻ	203	135																												
	- Mẫu giáo	203	105																												
3	Tiểu học	92	62																												
4	Trung học cơ sở	92	62																												
5	Trung học phổ thông	125	100																												

		đục, đào tạo.	
3	Theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;	Điều 3. Điều khoản thi hành 1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. 2. Kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành, Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng từ năm học 2024-2025; Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 18/10/2024 Quy định mức thu học phí và danh mục các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục tại cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Hải Dương hết hiệu lực.	
4	- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15; - Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa	Điều 4. Tổ chức thực hiện 1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết này. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành	

	phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	phố, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết. 3. Trong thời gian thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản mới hiện hành. 4. Khi các văn bản quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung.	
--	---	---	--